TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H; nơi ĐKHKTT: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tưởng Văn P; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/9/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày: chị và anh Tưởng Văn P có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng. Đến tháng 6 năm 2008 thì giữa vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường bất đồng về quan điểm sống, anh P thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau dẫn đến đã sống ly thân từ cuối năm 2008 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nên kiên quyết xin ly hôn anh P để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tưởng Xuân P, sinh ngày 10/12/2007. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày, quá trình chung sống giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải cho anh Tưởng Văn P nhưng anh P đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của anh, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã thực hiện xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, đã cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án cho phía bị đơn anh Tưởng Văn P và gia đình anh P cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tống đạt. Anh P đã không đến Tòa án, không gửi bản khai, bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án mà đã cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 13/11/2019, Toà án đã mở phiên toà nhưng anh P vắng mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Tưởng Văn P vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H, xét xử vụ án vắng mặt anh Tưởng Văn P, xử cho chị H được ly hôn anh Tưởng Văn P. Giao con chung Tưởng Xuân P, sinh ngày 10/12/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét. Buộc chị Võ Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Tưởng Văn P và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh Tưởng Văn P vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Tưởng Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Tưởng Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/7/2007, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẽ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị H và anh P đã không thực hiện được. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau, hai bên không tìm được hướng đi chung, vì vậy đã sống ly thân từ cuối năm 2008 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi chị H xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh P, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh P được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn. Còn đối với anh P, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần, cũng

như đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh P đã vắng mặt, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện việc anh P không hề quan tâm, lo lắng gì đến vợ con và gia đình, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Võ Thị H cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Võ Thị H được ly hôn anh Tưởng Văn P.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Võ Thị H và anh Tưởng Văn P có một con chung Tưởng Xuân P, sinh ngày 10/12/2007. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H có nguyện vọng mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị H là hoàn toàn chính đáng vì con chung do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ và hiện vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng ăn học. Trong khi anh P lại đi làm ăn xa không có điều kiện để chăm sóc, giáo dục con. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Tưởng Xuân P cho chị Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị H thì giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị H được ly hôn anh Tưởng Văn P.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Tưởng Xuân P, sinh ngày 10/12/2007 cho chị Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Chị H không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị H phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001207, ngày 18/9/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực